CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ - THÀNH QUẢ CỦA Ý CHÍ VÀ QUYẾT TÂM CHIẾN ĐẤU CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM VÌ ĐỘC LẬP, TỰ DO VÀ HOÀ BÌNH

CAO VĂN LƯỢNG*

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là thành quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó nổi bật lên là ý chí quyết chiến, quyết thắng của nhân dân ta vì độc lập, tự do và hoà bình.

*

Do có một vị trí chiến lược rất quan trọng ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam liên tục phải chống giặc ngoại xâm. Thật hiếm có một dân tộc nào trên thế giới lại phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh yêu nước và khởi nghĩa chống ngoại xâm vì độc lập, tự do và hoà bình, như dân tộc Việt Nam. Tính từ cuộc kháng chiến chống Tần (thế kỷ thứ III tr.CN) đến kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân Việt Nam đã phải tiến hành hàng chục cuộc chiến tranh giữ nước, cùng hàng trăm cuộc khởi nghĩa và đấu tranh chống đô hộ ngoại bang. Có thể nói, gần như triều đại nào, kỷ nguyên nào, dân tộc Việt Nam cũng đều phải đứng lên đánh giặc, giữ nước. Điều đáng chú ý là dân tộc Việt Nam đã phải tiến hành những cuộc chiến tranh giữ nước, chống giặc ngoại xâm trong những điều kiện hết sức khó khăn, với những kẻ thù là những đế quốc lớn mạnh, những thế lực xâm lược to lớn và với so sánh lực lượng quá chênh lệch.

Chính từ trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, khắc nghiệt đó và từ trong ngọn lửa chiến tranh yêu nước vĩ đại, từ thế hệ này, qua thế hệ khác, đã hun đúc nên truyền thống yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của nhân dân ta vì độc lập, tự do và hoà bình. Truyền thống yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng vì độc lập, tự do của nhân dân ta là một trong những nhân tố quan trọng, góp phần vào thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do và hoà bình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước" (1).

Truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu của nhân dân ta vì độc lập, tự do và hoà bình được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh bồi đắp và phát triển lên tới đỉnh cao. Suốt 15 năm (1930-1945), nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã không quản hy sinh, gian khổ, người trước ngã, người sau đứng lên, tiến hành liên tiếp các cuộc chiến đấu, nhằm lật

---

*PGS. Viện Sử học.

đổ ách thống trị của thực dân Pháp, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Với ý chí và quyết tâm chiến đấu: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập, tự do", nhân dân ta, triệu người như một, đã đứng lên tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thành quả của ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta vì độc lập, tự do và hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Người khẳng định trước nhân dân Việt Nam và nhân dân toàn thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy" (2).

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy cuộc tiến công cách mạng vào chủ nghĩa đế quốc, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân vì độc lập, tự do của dân tộc. Nói một cách khác, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một thắng lợi to lớn của phong trào giải phóng dân tộc, đồng thời cũng là một thách thức nghiêm trọng đối với vị trí và ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc ở khu vực Đông Nam Á.

Ở khu vực Đông Nam Á, cách mạng Việt Nam có một vị trí rất quan trọng. Với tính chất triệt để chống đế quốc và bè lũ tay sai, đi đầu trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở một địa bàn chiến lược quan trọng nhất ở Đông Nam Á, cách mạng Việt Nam luôn luôn là đối tượng chống phá quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc. "Tìm cách tiêu diệt cách mạng Việt Nam và duy trì chế độ thuộc địa ở Việt Nam dưới hình thức này hay hình thức khác là chủ trương chung của các đế quốc Pháp, Anh, Mỹ..." (3). Vì thế, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công chưa được bao lâu thì "cả phe đế quốc đã lập tức hành động chống lại cách mạng Việt Nam" (4). Cách mạng Việt Nam chưa bao giờ cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù như những năm 1945-1946. Thù trong, giặc ngoài, khó khăn chồng chất, cách mạng Việt Nam đứng trước một tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". "Tình hình ấy rõ ràng đặt cách mạng Việt Nam đứng vào một trận tuyến chung của lực lượng cách mạng dân chủ trên thế giới chống lại hệ thống đế quốc chủ nghĩa và các thế lực phản cách mạng cấu kết với đế quốc Mỹ" (5). Và, cũng chính vì thế mà cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta ngay từ những ngày đầu đã trở thành một cuộc đọ sức quyết liệt mang tính thời đại: giữa một bên là lực lượng cách mạng, mà nhân dân ta là đội quân xung kích, chiến đấu vì độc lập dân tộc, tự do, hoà bình và một bên là đế quốc gây chiến. Trong cuộc đọ sức quyết liệt này, đế quốc Anh, Mỹ nhằm thực hiện mưu đồ "kéo thực dân Pháp bao vây Liên Xô và ngăn chặn cách mạng thuộc địa, giao thực dân Pháp và Hà Lan nhiệm vụ canh giữ Đông Dương và Nam Dương để cho Anh, Mỹ rảnh tay một phần nào, hòng ngăn ngừa sức bành trướng của Liên Xô" (6).

Như vậy, ngay từ những ngày đầu, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược vì độc lập, tự do của dân tộc đã gắn bó mật thiết với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và bảo vệ hoà bình của nhân dân thế giới. Cũng như các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, nhân dân Việt Nam rất mong muốn có độc lập, tự do và hoà bình để xây dựng đất nước. Vì khát

vọng muốn có độc lập, tự do, hoà bình để xây dựng đất nước, mà nhân dân ta đã không quản hy sinh, gian khổ, liên tục đứng lên chiến đấu anh dũng chống bọn đế quốc, phong kiến, tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945. Và cũng để bảo vệ nền độc lập, tự do vừa mới giành được và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới, mà nhân dân ta đã phải chấp nhận cuộc chiến đấu quyết liệt chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ suốt 9 năm ròng.

Trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta vừa nêu cao quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do của dân tộc, vừa nêu cao thiện chí hoà bình, sẵn sàng thương lượng, đàm phán với Pháp để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, với mong muốn có hoà bình để tập trung xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống mới, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã phải nhân nhượng, phải vận dụng sách lược mềm dẻo tới mức tối đa, phải thực hiện những biện pháp có khi rất đau đớn, để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, tranh thủ mọi khả năng hoà bình dù là nhỏ nhất. Nhưng không phải là hoà bình trong nô lệ, mà là hoà bình trong độc lập, tự do. Trong diễn văn đọc trong "Ngày kháng chiến toàn quốc" (5-11-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Bọn thực dân Pháp phải biết rằng: dân Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hoà bình. Nhưng nếu cần phải hy sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn quyền độc lập của Việt Nam, để cho con cháu Việt Nam khỏi kiếp nô lệ, thì chúng ta vẫn kiên quyết hy sinh và kháng chiến. Vì dân Việt Nam tin chắc rằng thế nào cuộc kháng chiến này cũng thành công" (7). Trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" (19-12-1946). Người lại nhấn mạnh: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (8). Sau đó, trong thư "Gửi dân chúng Việt Nam, dân chúng Pháp, dân chúng các nước đồng minh" (21-12-1946)" và trong nhiều thư khác gửi nhân dân Pháp, nhân dân các nước thuộc địa Pháp, Chính phủ Pháp và nhân dân thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại khẳng định quyết tâm chiến đấu giành độc lập, tự do và thiện chí hoà bình của nhân dân Việt Nam. Người viết: "Dân tộc Việt Nam nay bị đặt trước hai đường: một là khoanh tay cúi đầu, trở lại nô lệ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập. Không! Dân tộc Việt Nam không để cho người ta trở lại thống trị nữa. Không ! Dân tộc Việt Nam không bao giờ muốn trở lại nô lệ nữa. Dân tộc Việt Nam thà chết chứ không chịu mất độc lập và tự do" (9). Trong "Thư gửi các lãnh tụ và nhân dân các nước" (13-1-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh lại chỉ rõ: "Việt Nam chỉ muốn hoà bình và độc lập để cộng tác thân thiện với các dân tộc trên thế giới, trước là với dân tộc anh em ở Á Đông và dân tộc Pháp". Người xác định: "Việt Nam là một bộ phận trong đại gia đình châu Á. Vận mệnh Việt Nam rất mật thiết quan hệ với vận mệnh các dân tộc Á Châu. Thực dân Pháp muốn đè bẹp Việt Nam, tức là muốn phá hoại đại gia đình châu Á của chúng ta. Việt Nam là một bộ phận trong nền hoà bình chung toàn thế giới. Thực dân Pháp gây nên chiến tranh ở Việt Nam, tức là phá hoại thế giới hoà bình" (10).

Rõ ràng, sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), với tinh thần thiết tha với nhân đạo và hoà bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi hàng chục bức thư và lời kêu gọi đến Tổng thống, Thủ tướng, Quốc hội,

Chính phủ và nhân dân Pháp, kêu gọi họ chấm dứt chiến tranh, lập lại sự giao hảo giữa hai nước. Nhưng thực dân Pháp đã cự tuyệt mọi cuộc gặp gỡ, thương lượng. Thực dân Pháp đã buộc nhân dân Việt Nam phải đánh, "đánh cho đến thắng lợi hoàn toàn, đánh cho đến độc lập và thống nhất thật sự". Đúng như lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước thế giới rằng: "Vì quân đội thực dân Pháp xâm lược Việt Nam mà có cuộc chiến tranh này. Nhân dân Việt Nam sẵn sàng hoà bình cộng tác với nhân dân Pháp và nhân dân thế giới, nhưng nhân dân Việt Nam quyết không chịu làm nô lệ, quyết không chịu mất nước. Hễ còn một tên lính thực dân trên đất nước Việt Nam thì Việt Nam cứ đánh, đánh cho đến thắng lợi hoàn toàn, đánh cho đến độc lập và thống nhất thật sự" (11).

Chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng vì độc lập tự do của Tổ quốc và vì hoà bình thế giới, quân, dân ta đã liên tiếp đánh bại các kế hoạch chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Mỗi một thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đều gắn liền với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hoà bình và tiến bộ xã hội trên thế giới. Từ năm 1950, với chiến thắng Biên Giới, vòng vây của chủ nghĩa đế quốc đối với nước ta bị chọc thủng. Uy tín và vị thế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế được nâng cao. Cũng từ năm 1950, hệ thống xã hội chủ nghĩa được củng cố và tăng cường về mọi mặt. Các nước xã hội chủ nghĩa đã tích cực ủng hộ về tinh thần và giúp đỡ về vật chất cho nhân dân ta trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển làm rung chuyển hậu phương của chủ nghĩa đế quốc. Phong trào bảo vệ hoà bình thế giới trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Tháng 4-1949, Đại hội các chiến sĩ bảo vệ hoà bình thế giới đã họp ở Pari và Praha có 72 nước tham gia, tại đây Hội đồng hoà bình thế giới đã được thành lập. Đại hội hoà bình thế giới tháng 11-1950 họp ở Vacsava, có 81 nước tham gia kêu gọi đình chỉ chiến sự ở Triều Tiên. Tháng 12-1952, Đại hội họp ở Viên, có 85 nước tham gia, Đại hội đòi giải quyết bằng thương lượng mọi bất đồng giữa các nước, đòi đình chiến ở Triều Tiên, Đông Dương và Ma-lai-xi-a.

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng trên thế giới và thất bại nặng nề của thực dân Pháp ở Việt Nam, từ năm 1950, cùng với việc can thiệp vào Triều Tiên, đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Để thực hiện mưu đồ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương và tiến tới hất cẳng thực dân Pháp ra khỏi khu vực này, từ 1950-1953, Mỹ đã đưa vào Đông Dương 400.000 tấn vật liệu chiến tranh. Viện trợ Mỹ chiếm tỷ lệ ngày càng quan trọng trong ngân sách chiến tranh Đông Dương của Pháp. Từ 19% năm 1950, 35% năm 1952, 43% năm 1953 và lên đến 73% năm 1954 (12).

Do sự can thiệp của Mỹ ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ngày càng trở nên gay go, quyết liệt. Tính chất dân tộc và tính chất quốc tế của cuộc kháng chiến thần thánh đó ngày càng nổi bật. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do ngày càng gắn chặt với cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình của nhân dân các nước trên thế giới. Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc lần thứ III của Đảng ta (12-1 đến 3-2-1950) đã chỉ rõ: "Đông Dương hiện nay là một tiền đồn của khối dân chủ ở Đông Nam châu Á chống đế quốc. Cuộc kháng chiến của các dân tộc Đông Dương mật thiết gắn

bó với cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình của nhân dân các nước trên thế giới. Nhân dân Đông Dương đánh thực dân Pháp không những để giành tự do, độc lập thật sự cho mình, mà còn bảo vệ hoà bình dân chủ thế giới". Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị toàn quốc lần thứ III của Đảng cũng đã nhấn mạnh đến vị trí và tác động của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đối với sự nghiệp bảo vệ hoà bình trên thế giới. Đồng chí viết: "Trong kế hoạch của đế quốc bao vây Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, Đông Dương đóng vai trò trọng yếu... Sau khi thất bại ở Trung Hoa, bọn đế quốc coi Đông Dương là một vị trí chiến lược xung yếu trên bờ Thái Bình Dương... Chúng coi Đông Dương là thị trường của chúng và là nơi ngăn cản phong trào cộng sản lan xuống Đông Nam châu Á. Nếu cuộc kháng chiến của các dân tộc Đông Dương thắng lợi thì quyền lợi của đế quốc bị uy hiếp thêm.

Đối với phe dân chủ chống đế quốc, Đông Dương là một tiền đồn, một pháo đài trên phòng tuyến chống đế quốc ở Đông Nam châu Á. Ngoài mục đích giành độc lập, dân chủ cho mình, trong cuộc kháng chiến này, nhân dân Đông Dương còn có mục đích bảo vệ hoà bình thế giới. Thành công hay thất bại của nhân dân Đông Dương trong cuộc kháng chiến này không thể không liên quan đến hoà bình và dân chủ thế giới" (13).

Hoà bình thật sự phải gắn với độc lập, tự do và phải qua chiến đấu mà giành lấy thì mới bền vững. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Chính sách của chúng ta vốn là chính sách thực hiện hoà bình và ủng hộ hoà bình. Song hoà bình ắt phải ra sức tranh lấy, phải dùng lực lượng tranh lấy, phải do kháng chiến thắng lợi mà tranh lấy. Quyết không nên ảo tưởng, không ngồi chờ nó đến. Chúng ta càng cố gắng, lực lượng càng to, thắng lợi ta càng lớn, thì việc thực hiện hoà bình chân chính ở Việt Nam càng chắc chắn" (14).

Trong khi nêu cao quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn nêu cao thiện chí hoà bình, sẵn sàng thương lượng để giải quyết cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 26-11-1953, trong bài trả lời nhà báo Thuỵ Điển, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Chính phủ Pháp gây ra. Nhân dân Việt Nam phải cầm vũ khí anh dũng chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược chính để bảo vệ nền độc lập và quyền tự do được sống hoà bình. Hiện nay nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hoà bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng tiếp ý muốn đó" (15).

Đáp lại thiện chí hoà bình của nhân dân ta, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ lại đẩy mạnh việc mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược, thực hiện kế hoạch Nava, cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, xây dựng vị trí chiến lược này thành lập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Nam Á. Kế hoạch Nava là một cố gắng cao nhất của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ nhằm thực hiện mưu đồ rất thâm độc. Nếu kế hoạch Nava được thực hiện thành công, thì chẳng những Cách mạng Đông Dương sẽ bị đè bẹp mà nền độc lập, hoà bình, tự do của các nước Đông Nam Á cũng bị đe doạ nghiêm trọng. Do đó, một lần nữa vì độc lập, tự do của tổ quốc, vì hoà bình của nhân dân Đông Nam Á và của nhân dân thế giới, nhân dân ta

sẵn sàng chấp nhận cuộc đọ sức quyết liệt với thực dân Pháp và can thiệp Mỹ tại Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ, đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, là biểu tượng của ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân, dân ta vì độc lập, tự do của dân tộc và vì một nền hoà bình trên thế giới. Chiến dịch này diễn ra trong tình hình quốc tế rất căng thẳng. Dựa vào tiềm lực kinh tế và ưu thế nhất thời về vũ khí hạt nhân, năm 1953, Chính quyền Ai-xen-hao đề ra chiến lược toàn cầu "đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản" và chiến lược quân sự "trả đũa ồ ạt", đưa chiến tranh lạnh lên tới đỉnh cao. Sự nghiệp hoà bình thế giới bị đe doạ nghiêm trọng. Trong tình hình đó, chiến dịch Điện Biên Phủ càng có một vị trí hết sức quan trọng. Trong thư gửi Đại tướng Võ Nguyên Giáp tháng 12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự, mà cả về chính trị, không những đối với trong nước, mà cả đối với quốc tế. Vì vậy, toàn dân, toàn quân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được".

Chiến dịch Điện Biên Phủ là một cuộc đọ sức lớn nhất, quyết liệt nhất, toàn diện nhất giữa ta và địch. Khi bước vào chiến dịch này, nhân dân ta đứng trước muôn vàn khó khăn tưởng chừng như không thể nào vượt qua nổi. Trong những khó khăn chồng chất đó, nổi lên là những khó khăn về hậu cần. Làm thế nào có thể cung cấp đầy đủ lương thực, vũ khí, đạn dược cho một binh lực lớn ở xa hậu phương hàng 500-700km, trong một thời gian dài và trong những điều kiện đi lại hết sức khó khăn, phương tiện vận tải thiếu thốn, đường xá xấu, quân địch lại thường xuyên bắn phá. Đấy là chưa kể tới những khó khăn về thời tiết: một trận mưa có thể gây ra trở ngại nhiều hơn một trận bom địch.

Chính từ trong những khó khăn, khắc nghiệt đó, truyền thống yêu nước, ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta vì độc lập tự do của tổ quốc lại được tôi luyện và phát huy mạnh mẽ.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nêu cao tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", nhân dân cả nước ta, từ các vùng tự do, cũng như trong các vùng tạm chiếm đều hăng hái tự nguyện đóng góp sức người, sức của, sẵn sàng hy sinh hết thẩy vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Cả nước ra trận, cả một dân tộc, từ đồng bào người Kinh đến đồng bào các dân tộc ít người, từ thanh niên, phụ nữ đến người già, trẻ nhỏ đều tham gia đánh giặc, cứu nước bằng trí tuệ và lòng dũng cảm, bằng mọi phương tiện sẵn có. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, chưa bao giờ sức mạnh của hậu phương lại được phát huy cao độ như trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Cả một hậu phương rộng lớn của đất nước, từ vùng tự do Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV, vùng mới giải phóng Tây Bắc, vùng du kích và căn cứ du kích ở đồng bằng Bắc bộ, vùng mới giải phóng ở Thượng Lào đều dồn sức người, sức của cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Theo báo cáo của Hội đồng cung cấp mặt trận trung ương ngày 10-7-1954, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng bào các dân tộc Tây Bắc, Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV đã đóng góp hơn 260.000 dân công (bằng 14 triệu ngày công), 20.991 xe đạp thồ và hàng chục ngàn phương tiện vận chuyển thô sơ và bán thô sơ khác: 25.058 tấn lương thực, 907 tấn thịt và hàng ngàn tấn thực phẩm khác. Chỉ riêng số vật phẩm đã vận chuyển được ra mặt trận là hơn 2 vạn tấn, trong đó có 14.950 tấn gạo, 266 tấn muối, 62,7 tấn đường, 577 tấn thịt và 565 tấn thực phẩm khô.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, cũng như trong các chiến dịch khác, truyền

thống yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng vì độc lập, tự do của Tổ quốc và truyền thống: "Cả nước một lòng, toàn dân đánh giặc", đã được phát huy mạnh mẽ. Hàng chục vạn chiến sĩ, dân công từ khắp các nẻo đường của đất nước, đã vượt qua đèo cao, dốc núi, vượt qua máy bay địch bắn phá và bom nổ chậm để chuyển hàng chục vạn tấn lương thực, đạn dược cho bộ đội đánh giặc. Hàng vạn thanh niên xung phong ngày đêm phối hợp với các đơn vị công binh, anh dũng mở đường và phá bom nổ chậm của địch trên các tuyến đường giao thông vận tải dẫn đến trận địa. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng ngàn kilômét đường giao thông được xây dựng và sửa chữa nhằm phục vụ cho chiến dịch. Các nhà trí thức, khoa học, văn hoá, văn nghệ, báo chí cũng hăng hái lên đường ra mặt trận, góp phần cùng toàn dân đánh giặc, giữ nước.

Trong cao trào chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở Điện Biên Phủ, đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu kiên cường, anh dũng, mưu trí và sáng tạo tuyệt vời. Các chiến sĩ Tô Vĩnh Diện và Nguyễn Văn Chức đã hy sinh thân mình để bảo vệ pháo; Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng; Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai tạo điều kiện cho toàn đơn vị tiến vào diệt địch. Và, còn biết bao tấm gương chiến đấu anh dũng, kiên cường khác, làm rạng rỡ thêm truyền thống yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Chính ý chí quyết chiến, quyết thắng của nhân ta vì độc lập, tự do của Tổ quốc, đã tạo nên sức mạnh hết sức to lớn, góp phần quan trọng vào việc đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vượt qua những khó khăn chồng chất, giành thắng lợi từng bước, tiến lên, giành thắng lợi oanh liệt tại chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là thắng lợi của chính nghĩa đối với bạo tàn, thắng lợi của ý chí quyết chiến, quyết thắng vì độc lập, tự do và hoà bình của nhân dân ta. Như trên đã nói, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ suốt 9 năm ròng không phải chỉ để giành độc lập, tự do cho dân tộc mình, mà còn để bảo vệ hoà bình thế giới. Trên tinh thần đó, có thể khẳng định rằng: Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần gìn giữ hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Tháng 2-2004

CHÚ THÍCH

(1). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6 (1950-1952), Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 171.

(2). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4 (1945-1946), Nxb. Chính trị Quốc gia, 1955, tr. 4.

(3), (4). Lê Duẩn. *Giai cấp công nhân và liên minh công nông*. Nxb. Sự thật, 1976, tr. 37.

(5). Lê Duẩn. Sđd, tr. 37.

(6). *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, Tập 1 (1945-1950). Nxb. Sự thật, 1986, tr. 40.

(7), (8), (9). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4. Sđd, tr. 91-92, 480, 483.

(10), (11). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5 (1947-1949). Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 22- 23, 719-720.

(12). *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam* (Sơ thảo). Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, tập I, tr. 614.

(13). Đảng cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 11, tr. 83-84.

(14). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6. Sđd, tr. 455.

(15). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7 (1953-1955). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 168.